SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG **TRUNG TÂM Y TẾ** **HUYỆN YÊN DŨNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 60 /TTYT-KD-VT,TBYT V/v đề nghị báo giá vật tư, hóa chất miễn dịch	*Yên Dũng, ngày 03 tháng 02 năm 2023*

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp.

Căn cứ Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu;

Căn cứ kế hoạch khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện Yên Dũng phát triển một số danh mục kĩ thuật mới như điều trị ngoại trú các bệnh tuyến giáp và một số xét nghiệm trong sản khoa.

Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng hiện có nhu cầu mua sắm các loại vật tư, hóa chất miễn dịch Quý I năm 2023 như sau: *(Có danh mục cụ thể kèm theo).*

Để có căn cứ lập dự toán mua sắm và lựa chọn nhà cung cấp, kính mời các đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật quan tâm gửi báo giá các mặt hàng có khả năng cung ứng căn cứ danh mục của đơn vị.

Bảng báo giá yêu cầu các nội dung sau:

- Tên vật tư, hóa chất, tiêu chuẩn kĩ thuật, số lượng, nhóm vật tư, hóa chất theo phân nhóm tại Thông tư 14/2020/TT-BYT, đơn vị tính.
- Đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, các chi phí trọn gói để thực hiện gói thầu: chi phí bảo quản, vận chuyển, đóng gói, xếp dỡ thực hiện tại địa điểm của bên mua và các chi phí khác có liên quan.
- Bảng báo giá phải có ngày tháng cụ thể, nêu rõ thời hạn hiệu lực của bảng báo giá, tiến độ cung cấp hàng hoá và có đầy đủ dấu, chữ ký của đại diện công ty, tổ chức.

Địa chỉ nhận báo giá:

- Địa chỉ hộp thư điện tử: toand3b@gmail.com
- Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng, địa chỉ: tổ dân phố 5, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.
- Số điện thoại liên hệ: DSCKI Trần Văn Toản – Trưởng Khoa Dược – Vật tư, TBYT, số điện thoại: 0982.496.884.

Thời gian nhận báo giá từ ngày đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng đến 17 giờ 00 phút ngày 08/02/2023.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Webiste TTYT (t/b);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN DŨNG

Đặng Hữu Tuấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC VẬT TƯ, HÓA CHẤT ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /TTYT-KD-VT,TBYT ngày 03/02/2022 của Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng)

TT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kĩ thuật	Phân nhóm theo TT 14	ĐVT	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền có VAT (VNĐ)
1	Dung dịch rửa dùng cho máy Access 2		Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-một và 2-methyl-4-isothiazolin-3-một (3:1).	Nhóm 4	Ml		187,200	
2	Định lượng Total T3		R1a: Liên hợp photphataza kiềm kháng T3 đơn dòng ở chuột (bò) và các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung địch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Analog T3 được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch natri hiđroxit 0,4N (NaOH) có 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS). R1d: 0,4N dung dịch axit clohyđric (HCl).	Nhóm 1	Test		1,600	
3	Chất chuẩn Total T3		S0: Huyết thanh người, < 0,1% natri azit và 0,025% Cosmocil CQ chứa 0 ng/mL (nmol/L) Triiodothyronine. S1, S2, S3, S4, S5: Triiodothyronine ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 1, 2, 4 và 8 ng/mL (0,8, 1,5, 3,1, 6,1 và 12,3 nmol/L) trong huyết thanh người có < 0,1% natri azit và 0,025% Cosmocil CQ.	Nhóm 1	Ml		24	
4	Định lượng Free T4		R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN3 và 0,125% ProClin 300.	Nhóm 3	Test		1,600	

			R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN3 và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN3 và 0,125% ProClin 300. R1d: Chất cộng hợp triiodothyronine-photphataza kiềm (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN3 và 0,1% ProClin 300. R1e: Kháng thể kháng Thyroxine (T4) đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN3 và 0,125% ProClin 300.					
5	Chất chuẩn Free T4		S0: Huyết thanh người với < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 ng/dL (0 pmol/L) thyroxine. S1, S2, S3, S4, S5: Thyroxine tự do trong huyết thanh người ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 1, 2, 3 và 6 ng/dL (xấp xỉ 6,4, 12,9, 25,7, 38,6 và 77,2 pmol/L), có < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Nhóm 1	Ml		15	
6	Cơ chất phát quang		Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt	Nhóm 1	Ml		2,080	
7	Định lượng TSH (3rd IS)		Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng TSH ở người đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1c:Liên hợp photphataza kiềm kháng TSH trên người đơn dòng ở chuột trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 R1d: Liên hợp photphataza kiềm kháng TSH trên người đơn dòng ở chuột trong dung dịch muối	Nhóm 3	Test		1,600	

			đệm ACES, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300					
8	Chất chuẩn TSH (3rd IS)		S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Chứa 0 µIU/mL (mIU/L) hTSH S1,S2,S3,S4,S5: Xấp xỉ 0,05, 0,3, 3, 15 và 50 µIU/mL (mIU/L) hTSH, trong chất nền đệm BSA có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300	Nhóm 3	Ml		15	
9	Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2		Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	Nhóm 3	Cái		6,272	
10	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)		Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	Nhóm 1	Ml		10	
11	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)		Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	Nhóm 1	Ml		10	
12	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)		Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	Nhóm 1	Ml		10	